CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 376/TTr-CP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hải quan, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hải quan, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách về xây dựng, hoàn thiện pháp luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, nhất là trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19 với những yêu cầu cơ bản như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước" và với nhiệm vụ trọng tâm: "Tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19,...; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập".

- Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đề ra nhiệm vụ: "tập trung thực hiện mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế để lựa chọn ưu tiên;... Nghiên cứu, xây dựng chương trình phục hồi và phát

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

triển kinh tế, khả thi, hiệu quả"; "Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, trùng chéo, hoặc chưa đầy đủ, nhất là về đầu tư, kinh doanh, đất đai, quy hoạch, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động tích cực sửa đổi, hoàn thiện; ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để giải quyết những vấn đề tồn đọng, phức tạp; trường hợp cần thiết ban hành một luật sửa nhiều luật hoặc nghị quyết thí điểm đối với những bất cập khi chưa sửa luật, những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong luật hoặc đã có nhưng không còn phù hợp với thực tiễn".

- Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/4/2021 của Chính phủ về Phiên họp triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại Kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIV xác định một trong các quan điểm, định hướng chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: "Hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ"; "Tích cực hơn nữa trong việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh bằng thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp".

- Kết luận số 07-KL/TW ngày 11/6/2021 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm tăng cường công tác phòng, chống dịch COVID-19 và phát triển kinh tế - xã hội đề ra nhiệm vụ: "Ban cán sự đảng Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Quốc hội tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, để hỗ trợ, duy trì, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; không để gián đoạn sản xuất". Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XV đã đặt ra yêu cầu: "tiếp tục tăng cường các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn nữa để vừa kiểm soát tốt dịch COVID-19 vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước mà nghị quyết của Đảng và Quốc hội đã đề ra".

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 55-NQ/TW) đề ra mục tiêu: "Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" và xác định nhiệm vụ: "Đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới".

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết số 52-NQ/TW).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, tích cực góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo Nghị quyết Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Trước đó, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án đã giao nhiệm vụ cho Chính phủ là: "Nâng tỷ lệ thi hành án dân sự xong trên tổng số án có điều kiện thi hành năm sau cao hơn năm trước".

2. Những yêu cầu thực tiễn phát sinh

a) Yêu cầu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư liên quan đến Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực

* Liên quan đến Luật Đầu tư công:

Theo Điều 25 Luật Đầu tư công, các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại điểm b, c và d khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công thì phải trình Thủ tướng Chính phủ 02 lần: (i) xem xét, phê duyệt đề xuất dự án và (ii) quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, các dự án này cũng phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi cơ quan chủ quản quyết định điều chỉnh.

Từ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý, có thể thấy:

- Đối với các Chương trình, dự án nhóm A, thì việc thực hiện quy trình nêu trên là phù hợp, vì các dự án nhóm A có quy mô lớn, có tính liên ngành, liên vùng, có tỷ lệ cho các địa phương vay lại cao và phải thực hiện theo các yêu cầu, điều kiện chặt chẽ tại hiệp định với nhà tài trợ lớn (như Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng phát triển châu Á - ADB) được ký kết nhân danh Nhà nước theo Luật Điều ước quốc tế và cần theo thủ tục chặt chẽ để bảo đảm

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

tuân thủ mục tiêu, định hướng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nội dung cam kết với nhà tài trợ và an toàn nợ công bền vững.

- Đối với các Chương trình, dự án nhóm B và C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài thường có số lượng nhiều, quy mô không lớn, chủ yếu do các địa phương là cơ quan chủ quản và thường có đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư trong quá trình thực hiện (như gia hạn thời gian thực hiện, giải ngân) nếu thực hiện quy trình trên thì sẽ phải trình Thủ tướng Chính phủ 03 lần[1] (tính cả điều chỉnh) dẫn đến nhiều dự án bị chậm tiến độ thực hiện và giải ngân, không hoàn thành theo đúng cam kết với nhà tài trợ dẫn đến việc phải gia hạn hiệp định.

- Đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thường không nhiều, quy mô nhỏ, thực hiện theo hình thức cung cấp tư vấn, chuyên gia để chuẩn bị dự án đầu tư.

Do vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ quản trong việc thẩm định, phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 17 và Điều 25 Luật Đầu tư công theo hướng phân quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho người đứng đầu cơ quan chủ quản đối với dự án đầu tư nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức mình quản lý.

Bên cạnh đó, theo Điều 33 Luật Đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, trường hợp phân quyền cho người đứng đầu cơ quan chủ quản như đề xuất nêu trên thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ không thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các dự án nhóm B và nhóm C và việc thông báo dự kiến bổ sung kế hoạch trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài sau khi phê duyệt đề xuất dự án đầu tư nhóm B và C sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi là cần thiết, để làm căn cứ cơ quan chủ quản thực hiện thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

* Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

Theo điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với: "Dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài...".

---

[1] Gồm: (i) xem xét, phê duyệt đề xuất chương trình, dự án; (ii) quyết định chủ trương đầu tư; (iii) quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Tương tự về phân quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, việc đẩy mạnh phân quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài là cần thiết, nhằm đảm bảo đồng bộ với đề xuất sửa đổi quy định của Luật Đầu tư công, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án này.

Mặt khác, các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư là các dự án được thực hiện để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Các dự án này cần được xem xét, chấp thuận trên cơ sở đánh giá tổng thể về hiệu quả đầu tư, mức độ ảnh hưởng tới xã hội, cộng đồng dân cư, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người sử dụng và cộng đồng, trong đó dự án đầu tư có quy mô lớn (dự án nhóm A) thường là các dự án có tác động lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội cần được xem xét, chấp thuận theo thủ tục chặt chẽ hơn so với dự án nhóm B và nhóm C.

Trên cơ sở đó, cần thiết phải sửa đổi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo nguyên tắc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B và nhóm C.

* Liên quan đến Luật Đầu tư:

- Về ưu đãi đầu tư cho khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại các trung tâm đổi mới sáng tạo:

+ Về ưu đãi đầu tư cho khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái

Hiện nay, khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái được xác định theo 8 tiêu chí, cao hơn khu công nghiệp thông thường. Tuy nhiên, theo Điều 16 Luật Đầu tư hiện hành, dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái được hưởng ưu đãi tương tự như dự án kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp thông thường; khu công nghiệp sinh thái được hưởng ưu đãi theo địa bàn ưu đãi đầu tư tương tự như khu công nghiệp thông thường (chưa có ưu đãi, hỗ trợ để đẩy mạnh sản xuất sạch hơn, hiệu quả tài nguyên, cộng sinh công nghiệp, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn).

Tại các Điều 41, 43 và 44 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, các chính sách riêng đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái bước đầu được quy định. Tuy nhiên, so với khu công nghiệp và doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp thông thường, khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái đáp ứng nhiều điều kiện, tiêu chí khắt khe về kinh tế, môi trường, xã hội, do đó, cần được hỗ trợ thêm thông qua các ưu đãi về đầu tư, thuế, tài chính, đất đai.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Các khu công nghiệp tập trung phần lớn doanh nghiệp sản xuất của cả nước[2], việc thúc đẩy phát triển khu công nghiệp sinh thái sẽ đóng góp đáng kể vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam, huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân cho giải pháp công nghiệp xanh, đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững[3], thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc thực hiện cam kết phát triển bền vững của Việt Nam (Chiến lược Tăng trưởng Xanh thời kỳ mới 2021 - 2030, COP 24).

Đồng thời, mô hình khu công nghiệp sinh thái đã được triển khai mạnh mẽ trên thế giới[4] và tại Việt Nam[5], đem lại nhiều tác động tích cực về sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái sử dụng chất thải, thực hiện kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu[6]. Các quốc gia trên thế giới đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái từ ngân sách nhà nước[7].

Do đó, để khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái với vai trò là động lực tăng trưởng bền vững của khu vực sản xuất công nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19, cần thiết bổ sung "doanh nghiệp sinh thái hoạt động tại khu công nghiệp sinh thái" vào đối tượng ưu đãi đầu tư quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư.

+ Về ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại các trung tâm đổi mới sáng tạo

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tác động trực tiếp nhiều mặt tới đời sống kinh tế - xã hội ở nước ta. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tập trung xung quanh một cơ sở hỗ trợ đổi mới sáng tạo (thường gọi là trung tâm) đang là giải pháp

---

[2] Các KCN chiếm 70-80% doanh nghiệp sản xuất trên cả nước, 80-90% doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực chế biến, chế tạo, đóng góp trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.

[3] Theo cách tính của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với mức giảm phát thải được thí điểm tại các KCN nêu trên, nếu KCN sinh thái được áp dụng rộng rãi (khoảng 10 doanh nghiệp sinh thái/khu; chiếm khoảng 10% số doanh nghiệp của KCN) tại gần 300 KCN đang hoạt động sẽ giảm phát thải khoảng 3 triệu tấn khí CO_2/năm, đóng góp khoảng 4% vào mức 83,3 triệu tấn CO_2 theo cam kết NDC của Việt Nam đến 2030 (chưa có hỗ trợ quốc tế). Trường hợp số lượng doanh nghiệp sinh thái tăng lên, quy mô lớn hơn hoặc nhiều doanh nghiệp trong các ngành sản xuất nhiều phát thải, tỷ lệ đóng góp vào NDC lớn hơn nhiều.

[4] Trong giai đoạn 2005 đến nay UNIDO đã hỗ trợ 12 quốc gia với tổng số 46 KCN chuyển đổi, trong đó có Việt Nam. Các tổ chức khác như Worldbank hỗ trợ một số hoạt động về KCN sinh thái ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2005-2014, Hàn Quốc đã chuyển đổi 51 KCN thông thường sang hoạt động theo mô hình KCN sinh thái tạo ra lợi ích kinh tế quy đổi khoảng 1,3 tỷ USD và thực hiện chuyển đổi 151 KCN năm 2020.

[5] Tại 04 KCN thí điểm (KCN Khánh Phú, KCN Gián Khẩu tại Ninh Bình, KCN Hòa Khánh tại Đà Nẵng và KCN Trà Nóc 1&2 tại Cần Thơ), trên 72 doanh nghiệp thực hiện trên 900 giải pháp tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn, tiết kiệm trên 76 tỷ đồng/năm và huy động trên 207 tỷ đồng từ khu vực tư nhân..

[6] Các sáng kiến KCNST (từ Hàn Quốc và Đan Mạch) giúp giảm khí nhà kính 798.198 tấn $CO_{2\text{-eq}}$, giúp tiết kiệm 19.000 tấn dầu, 30.000 tấn than, 600.000 m^3 nước và giảm 176.781TOE năng lượng.

[7] Hàn Quốc hỗ trợ ngân sách trực tiếp cho KCNST: 75% chi phí đầu tư để phát triển/chuyển đổi KCNST; hỗ trợ NS 100 triệu USD cho 47 dự án KCNST; Trung Quốc hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách (745 triệu NDT cho 22 KCNST); ưu đãi thuế cho các dự án giảm tác động đến môi trường, chi phí nghiên cứu và đổi mới công nghệ; hỗ trợ kinh phí xây dựng hạ tầng cho mạng lưới cộng sinh; Nhật Bản (Kawasaki EcoTown) giao đất do Nhà nước quản lý trực tiếp cho doanh nghiệp để xây dựng các mạng lưới cộng sinh công nghiệp, tái chế, tái sử dụng chất thải, nguyên vật liệu; Gói hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

hiệu quả để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nhận thức vai trò to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đã xác định: "Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, trường đại học và viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu mạnh. Khuyến khích các trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam".

Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia được Thủ tướng Chính phủ thành lập năm 2019, trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có chức năng hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của Việt Nam, là đơn vị cấp quốc gia đầu tiên của Việt Nam được giao đầu mối trực tiếp thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo Việt Nam, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học và công nghệ. Ngoài ra, các trung tâm hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo cũng đã được thành lập trong các viện nghiên cứu và các trường đại học hoặc đang xúc tiến việc hình thành ở một số địa phương và doanh nghiệp. Các trung tâm này có sứ mệnh thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

Tuy nhiên, về cơ chế, chính sách hiện hành, Luật Đầu tư chưa quy định ưu đãi cho cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động sản xuất kinh doanh tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia và các trung tâm đổi mới sáng tạo chỉ thực hiện hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất kinh doanh tại trung tâm mà không thành lập dự án đầu tư. Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư, các hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm: ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu với hàng hoá tạo tài sản cố định; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất; khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế. Đồng thời, khoản 4 Điều 15 Luật Đầu tư quy định mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

Do đó, việc bổ sung doanh nghiệp sinh thái hoạt động tại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại các trung tâm đổi mới sáng tạo vào đối tượng ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư là cần thiết làm cơ sở đề xuất cơ chế chính sách liên quan tại các quy định của pháp luật về thuế, kế toán, đất đai... và thực hiện thủ tục ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư[8].

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị:

---

[8] Điều 17 Luật Đầu tư quy định: căn cứ đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Từ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý, có thể thấy: (i) Hầu hết các nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị, bao gồm cả chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở[9] đều thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (ii) Nhiều mục tiêu, định hướng phát triển đô thị thuộc Đồ án quy hoạch đô thị quan trọng (như quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại IV trở lên và quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử, của quốc gia) là căn cứ để xem xét sự phù hợp của dự án nhà ở, khu đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ[10]. Như vậy, việc phát triển các dự án nhà ở, khu đô thị ở địa phương vẫn có thể được định hướng và kiểm soát trên cơ sở xây dựng và thực thi hiệu quả quy hoạch nêu trên.

Việc đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dưng nhà ở, khu đô thị (với quy mô dân số tương đương đô thị loại III, loại IV trở lên) có những đặc thù riêng như đa dạng về hình thức và mục tiêu đầu tư; có yêu cầu cao đối với tính đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; sử dụng nguồn lực rất lớn về đất đai; triển khai thực hiện trong thời gian dài; tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đời sống của người dân; tạo dựng không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị. Trường hợp hình thành đô thị mới sẽ kéo theo vấn đề dịch cư, định cư, sự chuyển dịch về cơ cấu kinh tế và yêu cầu về quản lý hành chính, có sức lan tỏa trong vùng hoặc quốc gia.

Theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, thì đô thị loại III có quy mô dân số toàn đô thị là từ 100.000 - 200.000 người, đô thị loại IV có quy mô dân số toàn đô thị là từ 50.000 - 100.000 người, là một trong các điều kiện để thành lập thị xã, thành phố quy mô lớn, tương đương đơn vị hành chính cấp huyện và hoàn chỉnh về cấu trúc đo thị theo quy hoạch chung xây dựng (có phần lõi và phần mở rộng về không gian), hoàn chỉnh về mô hình quản lý (có các phường và xã).

Theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, chỉ tiêu về quy mô dân số và chỉ tiêu về diện tích chiếm đất có mối quan hệ hữu cơ với nhau, từ chỉ tiêu về mật độ dân số, chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân có thể tính toán quy mô diện tích sử dụng đất và ngược lại. Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành (QCVN 01:2021/BXD), đối với đô thị loại III, loại IV, chỉ tiêu mật độ dân số toàn đô thị là 200 - 125 người/ha. Do đó, nếu khu vực dự án được dự kiến có quy mô dân số là 100.000 người (tương đương đô thị loại III) thì quy

---

[9] Đối với các thành phố trực thuộc trung ương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về nội dung chương trình trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.

[10] Khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

mô sử dụng đất của dự án là khoảng từ 500 - 800 ha; nếu khu vực dự án dự kiến có quy mô dân số là 50.000 người (tương đương đô thị loại IV) thì quy mô sử dụng đất của dự án là khoảng 250 - 400 ha. Đây là những dự án có quy mô dân số lớn, đủ điều kiện để hình thành đô thị loại III, loại IV trở lên, không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi một tỉnh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc quốc gia và cần có sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ của Thủ tướng Chính phủ. Đối với các dự án có quy mô sử dụng đất hoặc quy mô dân số thấp hơn so với đô thị loại IV (tương ứng quy mô sử dụng đất dưới 300 ha hoặc quy mô dân số dưới 50.000 người) thì có thể phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Do vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư để quy định Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị trong trường hợp dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, quy mô dân số thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:

Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, quy mô dân số thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, các khu vực bảo vệ di tích bao gồm khu vực bảo vệ I (vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích) và khu vực bảo vệ II (vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I). Căn cứ các quy định nêu trên, việc chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vu khu vực bảo vệ I, II của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt thuộc của Thủ tướng Chính phủ.

Từ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý và trên cơ sở kiến nghị của một số địa phương (Ủy ban nhân dân các tỉnh Quảng Ninh, Yên Bái, Hải Phòng...), cho thấy:

+ Việc quy định toàn bộ các dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, bao gồm cả các dự án quy mô nhỏ, vẫn phải thực hiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dẫn đến việc kéo dài thời gian thực hiện dự án, tạo thêm gánh nặng về thủ tục đối với nhà đầu tư.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Di sản văn hóa, khu vực bảo vệ I và khu vực bảo vệ II có nội hàm, tính chất và yêu cầu bảo vệ, tôn tạo khác

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

nhau. Do đó, việc quy định toàn bộ các dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt tại điểm g khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư đều thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ mà không phân biệt khu vực bảo vệ I và khu vực bảo vệ II là chưa thực sự phù hợp với đặc thù của từng khu vực.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Do đó, trong trường hợp phân cấp, việc phát triển dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích vẫn có thể kiểm soát được trên cơ sở thực thi hiệu quả cơ chế đồng thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Do đó, cần thiết sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư để phân quyền thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cơ quan có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt. Đồng thời với việc phân quyền thì cần bổ sung quy định đảm bảo tính giám sát, tránh lạm dụng việc phân cấp.

- Về hình thức sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở)[11], một trong các hình thức sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại là nhà đầu tư phải "có quyền sử dụng đất ở hợp pháp và các loại đất khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở".

Điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở) đã được hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP[12] quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở về việc lựa chọn nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại theo hướng, điều kiện để được xác định làm chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đồng thời với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư là: nhà đầu tư phải có quyền sử dụng đất ở hoặc có quyền sử dụng đất ở và các loại đất khác. Theo quy định này, tất cả các dự án nhà ở thương mại mà nhà đầu tư đã có quyền sử dụng đất nhưng không phải là đất ở hoặc không có một phần diện tích đất ở,

---

[11] Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đầu tư.
[12] Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

mặc dù phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì cũng không được chấp thuận là chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại.

Các quy định nêu trên là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất; quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật Nhà ở[13] về việc lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được thực hiện thông qua hình thức chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; quy định tại các Điều 52, 57, 58 Luật Đất đai... về việc người sử dụng đất được xem xét chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Theo phản ánh của các địa phương, hiệp hội, hiện có nhiều dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trên cả nước bị ách tắc, không thể triển khai thực hiện (trong đó Hà Nội có khoảng 82 dự án, Thành phố Hồ Chí Minh có 126 dự án...) gây thiệt hại cho doanh nghiệp, làm sụt giảm nguồn cung dự án và sản phẩm nhà ở và là một trong những nguyên nhân làm tăng giá nhà[14].

- Về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng:

Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư bao gồm 227 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhưng chưa quy định về hoạt động "kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng".

Luật An ninh mạng chưa quy định cụ thể về hoạt động "kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng", nhưng đã đề cập tới các nội dung tương tự liên quan với chức năng bảo vệ hoạt động của con người, các thiết bị phần cứng, phần mềm, mạng và dữ liệu trên không gian mạng khỏi các tác nhân gây hại. Theo báo cáo của Bộ Công an, thực tế này có thể dẫn đến những bất cập sau:

Một là, sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã được kinh doanh trên thị trường nhưng pháp luật chưa thừa nhận là một ngành nghề để quản lý

Nhiều quốc gia đã hình thành nền công nghiệp an ninh mạng và thị trường an ninh mạng, quản lý và thúc đẩy kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Quy mô của ngành công nghiệp an ninh mạng toàn cầu năm 2019 đạt 124,401 tỷ đô la Mỹ và năm 2020 là 127,827 tỷ đô la. Thị trường an ninh mạng của nước ta đã được hình thành, nhiều doanh nghiệp an ninh mạng đã được thành lập, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã

---

[13] Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đầu tư.

[14] Báo cáo số 2905/STNMT-CCQLĐĐ ngày 27/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Văn bản số 50/2021/CV- HoREA ngày 11/5/2021 của Hiệp hội bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh gửi Thủ tướng Chính phủ...

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, bán sản phẩm cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam đã mua các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng từ các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

Tuy nhiên, qua rà soát hệ thống pháp luật trong nước cho thấy, chưa có văn bản quy phạm pháp luật xác định sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là một ngành nghề kinh doanh. Điều này dẫn tới thực trạng: (i) không quản lý được hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; (ii) chưa huy động, khuyến khích các doanh nghiệp an ninh mạng tham gia phát triển thị trường an ninh mạng trong nước, tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài; (iii) chưa thừa nhận các loại hình kinh doanh về an ninh mạng, tạo cơ sở pháp lý cho doanh nghiệp tham gia thị trường thế giới hoặc kinh doanh với các doanh nghiệp an ninh mạng nước ngoài; (iv) chưa hạn chế được tác động, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; (v) chưa quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của các doanh nghiệp nước ngoài tại thị trường Việt Nam.

Hai là, sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng chưa được quản lý về chất lượng khi đưa vào các mục tiêu trọng yếu quốc gia

Sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là các hoạt động có tổ chức của con người, các thiết bị phần cứng và phần mềm được tạo ra với mục đích bảo vệ hoạt động của con người, mạng, dữ liệu trên không gian mạng trước các tác nhân gây hại. Càng là các mục tiêu trọng yếu, yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng càng khắt khe và nghiêm ngặt, bao gồm: các yêu cầu về chất lượng sản phẩm và điều kiện con người, với mục tiêu phòng hơn chống.

Để các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng bảo đảm chất lượng, cập nhật đủ tính năng, hiệu năng, quyết định hiệu quả của công tác bảo vệ an ninh mạng, trước khi đưa vào sử dụng tại các mục tiêu trọng yếu, nhất là trong các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia thì bên cạnh các điều kiện về chất lượng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, doanh nghiệp phải đáp ứng điều kiện về trình độ, khả năng, con người.

Tuy nhiên, do chưa quy định kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên những yêu cầu trên chưa được triển khai, dẫn tới tình trạng một số mục tiêu trọng yếu quốc gia đang sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng chưa được quản lý. Thực tế, đã có hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia bị tấn công, mà các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đã triển khai không thể phát hiện được.

Ba là, sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có khả năng tác động tới quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân nhưng chưa được quản lý

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Do tính chất mục tiêu thiết kế của sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là bảo vệ trước các hoạt động gây hại, nên sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có tính chất quan trọng đặc biệt. Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là hoạt động kinh doanh liên quan đến các lợi ích về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, yêu cầu phòng ngừa cao hơn so với các hoạt động kinh doanh khác.

Mặc dù đã hình thành thị trường an ninh mạng trong nước, có nhiều doanh nghiệp tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng nhưng chưa được quản lý hiệu quả.

Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã bán các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng cho tổ chức, doanh nghiệp trong nước mà chưa có chính sách quản lý phù hợp. Rất nhiều sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng quan trọng của cơ quan nhà nước phải mua từ các doanh nghiệp của nước ngoài. Điều này đặt ra yêu cầu cần bảo đảm điều kiện đầu vào trước khi tiến hành các hoạt động kinh doanh nhằm phòng ngừa các hậu quả có thể xảy ra.

+ Một số quốc gia trên thế giới đã quy định sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng là ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới cho thấy, có nhiều nước xây dựng, áp dụng các điều kiện đối với chủ thể kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng và đưa vào trong các văn bản pháp luật, điển hình là 04 quốc gia Mỹ, Pháp, Trung Quốc, Singapore.

Do đó, để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, bảo đảm sự phù hợp với thông lệ quốc tế, cần thiết phải bổ sung ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng vào Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

* Liên quan đến Luật Đấu thầu:

Theo điểm c khoản 1 Điều 34 Luật Đấu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu và hồ sơ yêu cầu các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài chỉ có thể được phê duyệt sau khi điều ước, thỏa thuận quốc tế đã được ký kết và có hiệu lực. Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ nêu trên thường mất tối thiểu từ 4 - 6 tháng đối với gói thầu quốc tế theo yêu cầu của nhà tài trợ[15]. Trên thực tế, tùy theo từng dự án cụ thể (như dự án xây dựng hệ thống đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh), thời gian lập kế hoạch

---

[15] Các hoạt động như tuyển tư vấn thiết kế, xây dựng hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp, xây dựng kế hoạch đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ mời thầu. Đối với các dự án ODA thì thông thường hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu còn phải gửi cho nhà tài trợ để xem xét, cho ý kiến không phản đối trước khi thực hiện nên quá trình này cũng mất nhiều thời gian.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

lựa chọn nhà thầu và chuẩn bị hồ sơ mời thầu kéo dài hàng năm. Các hoạt động này được triển khai sau khi điều ước, thỏa thuận quốc tế đã được ký kết và có hiệu lực dẫn đến thời gian dành cho việc triển khai thi công xây lắp, cung cấp hàng hóa, dịch vụ bị rút ngắn. Chính vì vậy, phần lớn các dự án phải xin gia hạn thời gian thực hiện và gia hạn hiệp định, dẫn đến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư do trượt giá, thay đổi tỷ giá và các tác động khác do thay đổi chính sách (như chính sách về lương nhân công...). Ngoài ra, dự án chậm thực hiện cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đầu tư, đó là chưa kể chi phí cam kết phát sinh mà Việt Nam phải trả.

Do vậy, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều 4 Luật Đấu thầu theo hướng cho phép đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn đối với các hoạt động mua sắm trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của Chính phủ.

* Liên quan đến Luật Điện lực:

Một trong các nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 55-NQ/TW là: "nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia; vận hành hệ thống điện quốc gia độc lập dưới dự kiểm soát của nhà nước" và "cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện, tách bạch với độc quyền nhà nước về truyền tải điện. Thực hiện xã hội hóa tối đa đầu tư và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành năng lượng, bao gồm cả hệ thống truyền tải điện quốc gia trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh". Tuy nhiên, một số quy định tại Luật Điện lực hiện tại chưa đáp ứng các yêu cầu trên, cụ thể:

- Theo khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực, Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải và điểm e khoản 2 Điều 40 Luật Điện lực quy định đơn vị truyền tải điện có nghĩa vụ xây dựng kế hoạch đầu tư và thực hiện đầu tư phát triển lưới điện truyền tải đáp ứng nhu cầu theo quy hoạch phát triển điện lực; đầu tư thiết bị đo đếm điện và các thiết bị phụ trợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với đơn vị phát điện, đơn vị phân phối điện hoặc khách hàng sử dụng điện đảm bảo quyền lợi của các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật.

- Khoản 2 Điều 39 Luật Điện lực và khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định đơn vị phát điện có nghĩa vụ đầu tư trạm điện, công tơ và đường dây dẫn đến công tơ cho bên mua, trừ trường hợp có thoả thuận khác với đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện hoặc bên mua điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Các quy định trên chưa thể hiện rõ phạm vi Nhà nước độc quyền truyền tải điện ở mức độ nào để đảm bảo thực hiện xã hội hóa đầu tư lưới điện truyền tải theo Nghị quyết số 55-NQ/TW. Do vậy, cần thiết phải làm rõ các quy định liên quan về "độc quyền trong hoạt động truyền tải", phân định rõ hơn nữa hình thức và phạm vi đầu tư lưới truyền tải điện tại Luật Điện lực để thực hiện được mục tiêu xã hội hóa đầu tư lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được Bộ Chính trị giao.

b) Yêu cầu thực tiễn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

* Liên quan đến Luật Doanh nghiệp:

- Về công bố thông tin báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp:

Điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp nhà nước phải công bố định kỳ báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Tuy nhiên, quy định tại Điều 60 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014, khoản 1 Điều 33 Luật Kế toán và Điều 37 Luật Kiểm toán độc lập năm 2011, doanh nghiệp nhà nước chỉ phải kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính hằng năm; không quy định kiểm toán đối với báo cáo tài chính giữa năm.

Trên thực tế, doanh nghiệp nhà nước quy mô nhỏ không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm, chỉ có một số công ty mẹ Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm. Việc yêu cầu doanh nghiệp công bố thông tin định kỳ đối với báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán theo các quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp tạo thêm gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp. Với khoảng 1.000 doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Luật Doanh nghiệp có thể gián tiếp làm giảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước hằng năm do toàn bộ khối doanh nghiệp có thể mất chi phí nhiều tỷ đồng để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm trước.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi xin ý kiến các bộ, địa phương, các doanh nghiệp nhà nước và nhận được rất nhiều ý kiến phản ánh về bất cập trong thực tiễn, theo đó kiến nghị không bắt buộc kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp để phù hợp với quy định hiện hành và tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp[16]. Tuy nhiên, do Luật đã quy định

[16] Bộ NN&PTNT; UBND tỉnh Nam Định, Yên Bái, Trà Vinh, Thái Bình, Nghệ An, Phú Thọ; Hà Nội; Tập đoàn CN Than – Khoáng sản VN, TCT Quản lý bay VN, TCT Thuốc lá VN, TCT Bưu điện VN…

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

nên khi Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp tiếp tục quy định yêu cầu doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện công bố báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.

Từ thời điểm triển khai thực hiện các quy định nêu trên, có rất nhiều kiến nghị, phản ánh của các doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp quy mô lớn thuộc mô hình công ty mẹ - công ty con thuộc Trung ương và các công ty độc lập quy mô nhỏ thuộc địa phương) về sự chồng chéo, không thống nhất về nội dung yêu cầu doanh nghiệp thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính giữa năm giữa Luật Kế toán, Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Đồng thời, việc yêu cầu toàn bộ doanh nghiệp nhà nước, bao gồm cả những doanh nghiệp quy mô nhỏ, thực hiện nhiệm vụ công ích, cung cấp dịch vụ thủy lợi, thủy nông... (hoạt động chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận) phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa năm thực sự không cần thiết do doanh nghiệp đã phải thực hiện báo cáo kiểm toán hằng năm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 109 Luật Doanh nghiệp.

- Về đối tượng xác định là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh:

Trên cơ sở kế thừa quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, khoản 5 Điều 217 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: "Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh", theo đó xác định là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trước hết phải là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp. Theo quy định của Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15/10/2015 của Chính phủ về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thì doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh phải là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, không bao gồm doanh nghiệp là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Tuy nhiên, trên thực tế, một số doanh nghiệp được Bộ Quốc Phòng giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là công ty trách nhiệm hữu hạn do công ty mẹ là Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Bộ Quốc phòng sở hữu 100% vốn điều lệ. Trước khi Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp này đã được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh. Kể từ khi Luật Doanh nghiệp năm 2020 có hiệu lực thi hành, do không thuộc đối tượng được xác định là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh[17], các doanh nghiệp

[17] phải là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 93/2015/NĐ-CP.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

này gặp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các cơ chế chính sách hiện hành khi hạch toán chi phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Hiện nay, trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Quốc phòng đang thực hiện sắp xếp doanh nghiệp thuộc Bộ theo hướng tổ chức lại các doanh nghiệp để hình thành mô hình công ty mẹ - công ty con. Công ty mẹ là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; các công ty con hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn trực tiếp sở hữu và vận hành các dây chuyền sản xuất vũ khí, trang thiết bị quốc phòng, an ninh và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh... và như vậy, các công ty trách nhiệm hữu hạn là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng tuy là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh nhưng sẽ không thuộc đối tượng được áp dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo các quy định hiện hành.

Từ vấn đề nêu trên thì cần sửa đổi khoản 5 Điều 217 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để áp dụng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với công ty trách nhiệm hữu hạn là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

- Về việc tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua dựa trên tỷ lệ số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Tuy nhiên, việc xác định cổ đông dự họp lại chưa được quy định rõ nên thực tế xảy ra trường hợp cổ đông đã đăng ký và có tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng bỏ về giữa chừng hoặc không bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc không biểu quyết trực tuyến. Điều này dẫn đến vướng mắc trong việc xác định số cổ đông dự họp để tính tỷ lệ số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều 148 nêu trên. Mặc dù chỉ là vấn đề kỹ thuật song vướng mắc nêu trên lại đang gây cản trở lớn đến việc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì cả nước hiện có 237.679 công ty cổ phần đang hoạt động và vướng mắc này có thể gặp phải ở bất cứ công ty cổ phần nào.

- Về việc ký biên bản họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị:

Theo khoản 3 Điều 60, khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị tham dự họp ký thì biên bản này có hiệu lực. Điểm e khoản 2 Điều 60 Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng quy định biên bản họp Hội đồng thành viên phải bao gồm họ, tên, chữ ký và nội dung ý kiến của người

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

dự họp không đồng ý thông qua biên bản họp (nếu có). Tuy nhiên, trên thực tế thành viên không đồng ý thông qua biên bản họp thường không hợp tác, không chịu ký tên vào biên bản họp dẫn đến biên bản không đảm bảo đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật và không có hiệu lực. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị trong điều hành, quản trị doanh nghiệp. Đây là điểm nghẽn cần khẩn trương tháo gỡ.

* Liên quan đến Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Đối tượng cho vay, tài trợ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Quỹ) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Trước khi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được ban hành, đối tượng hỗ trợ của Quỹ theo Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển DNNVV là toàn bộ DNNVV. Từ năm 2018, đối tượng hỗ trợ của Quỹ theo quy định tại Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Hiện nay, số lượng DNNVV khởi nghiệp sáng tạo chỉ chiếm khoảng 0,3% và DNNVV trong lĩnh vực chế biến, chế tạo (có thể tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành) chiếm không quá 15% tổng số DNNVV. Như vậy, đối tượng hỗ trợ của Quỹ đã bị thu hẹp so với trước. Ngoài ra, việc xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, khó có thể đưa ra được các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc thù, nhu cầu hỗ trợ của từng lĩnh vực hoặc từng địa phương[18]. Vì vậy, số lượng DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ còn rất hạn chế[19].

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc

---

[18] Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện để trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP trong đó có nội dung hướng dẫn chi tiết tiêu chí xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

[19] Tính đến 31/12/2020, tuy số lượng DNNVV được Quỹ cho vay còn hạn chế nhưng các DNNVV được vay vốn từ Quỹ đều hoạt động ổn định, trả nợ gốc, lãi đầy đủ, mở rộng SXKD, trong đó có 04/15 DNNVV có tổng nguồn vốn đạt trên 100 tỷ đồng (*DNNVV là DN có tổng nguồn không quá 100 tỷ đồng hoặc có tổng doanh thu không quá 300 tỷ*) và 02 DNNVV trả nợ trước hạn. Tổng hợp số liệu về tổng nguồn vốn, tổng doanh thu, lợi nhuận, thuế thu nhập DN, số lao động đối với các doanh nghiệp được Quỹ hỗ trợ:
+ Tại thời điểm Quỹ đồng ý hỗ trợ các DNNVV (2017): Tổng nguồn vốn là 531,8 tỷ đồng, tổng doanh thu là 789,8 tỷ đồng, tổng lợi nhuận là 22,65 tỷ đồng, thuế thu nhập DN là 4,3 tỷ tổng số lao động là 949 người.
+ Đến 31/12/2020, tổng nguồn vốn là 1.029,82 tỷ đồng, tổng doanh thu là 1.473,5 tỷ đồng, tổng lợi nhuận là 70,66 tỷ đồng, thuế thu nhập DN là 20,3 tỷ đồng tổng số lao động là 1.592 người.
Như vậy, tổng nguồn vốn tăng thêm là 498,02 tỷ đồng (tăng 93,65%), tổng doanh thu tăng thêm là 683.7 tỷ đồng (tăng 86,56%), tổng lợi nhuận tăng thêm là 48,01 tỷ đồng (tăng 212%), thuế thu nhập DN nộp NSNN tăng thêm 16 tỷ tổng (tăng 372%), số lao động tăng thêm là 643 người (tăng 67.8%).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhằm hỗ trợ DNNVV trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phê duyệt giảm lãi suất cho vay của Quỹ đối với DNNVV về mức 2,16%/năm (ngắn hạn) và 4,0%/năm (trung và dài hạn). Tuy nhiên, do đối tượng hỗ trợ của Quỹ hẹp, nên số lượng DNNVV được Quỹ hỗ trợ thời gian vừa qua là không nhiều. Thực tế qua 2 năm triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV, số lượng DNNVV đã tiếp cận và được Quỹ hỗ trợ ít hơn nhiều hơn so với giai đoạn trước. Do đối tượng hỗ trợ bị thu hẹp nên mặc dù vốn điều lệ của Quỹ là 2.000 tỷ đồng nhưng đến nay mới giải ngân hỗ trợ DNNVV được khoảng 110 tỷ đồng.

Trong quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ DNNVV, cộng đồng DNNVV, các Hiệp hội ngành nghề, ngân hàng thương mại và nhiều địa phương đã đề nghị mở rộng đối tượng hỗ trợ của Quỹ là tất cả DNNVV để các doanh nghiệp này có cơ hội tiếp cận nguồn vốn ưu đãi từ Quỹ.

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV, đối với các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được hình thành từ vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác, đối tượng hỗ trợ của Quỹ đã được mở rộng là toàn bộ DNNVV. Như vậy, cùng trong Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV đã có quy định khác nhau về đối tượng hỗ trợ của Quỹ. Điều này gây khó khăn trong tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ tài chính cho DNNVV.

Để hỗ trợ kịp thời cho các DNNVV vượt qua khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 và duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh sau khi dịch bệnh được kiểm soát thì việc mở rộng đối tượng cho vay, tài trợ của Quỹ là rất cần thiết, nhằm gia tăng số lượng doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước, đảm bảo bình đẳng giữa các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau[20], đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm của Luật Hỗ trợ DNNVV.

* Liên quan đến Luật Hải quan:

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, nên thực tiễn đã phát sinh những khó khăn của doanh nghiệp có hàng hóa gửi tại kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế không thể xuất khẩu hoặc nhập khẩu vào nội địa do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, cụ thể:

- Về thời hạn lưu giữ hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho chứa hàng miễn thuế: Điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan quy định "hàng hóa bán tại

[20] Các DNNVV thực hiện chuyển đổi số, DNNVV thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo, DNNVV sản xuất trang thiết bị y tế,... thuộc đối tượng hỗ trợ chung của Quỹ là DNNVV. Bên cạnh đó, DNNVV thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ đa số sẽ thuộc phạm vi đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ là DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị. Do đó, không cần quy định chi tiết thêm nhóm đối tượng này tại đề xuất nội dung sửa đổi Điều 20 Luật Hỗ trợ DNNVV.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

cửa hàng miễn thuế phải được lưu giữ tại cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế đáp ứng yêu cầu giám sát hải quan. Thời hạn lưu giữ hàng hóa không quá 12 tháng kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan. Trường hợp có lý do chính đáng thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế gia hạn một lần không quá 12 tháng".

Trong giai đoạn bệnh dịch, hàng hóa tồn đọng tại cửa hàng miễn thuế không bán được cho khách, hết thời hạn tạm nhập doanh nghiệp phải thực hiện tái xuất/chuyển tiêu thụ nội địa/tiêu hủy. Tuy nhiên, việc tái xuất, chuyển tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy đều khó khăn vì:

+ Doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế đã nhập khẩu hàng hóa theo phương thức mua đứt bán đoạn nên việc xuất trả cho đối tác nước ngoài là không khả thi.

+ Trường hợp chuyển tiêu thụ nội địa thì phải nộp thuế và tuân thủ chính sách quản lý, trong khi hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế chủ yếu là mặt hàng thuốc lá, rượu và mỹ phẩm mà theo quy định hiện nay thì thuốc lá không được chuyển tiêu thụ nội địa (làm thủ tục nhập khẩu), mặt hàng rượu được chuyển tiêu thụ nội địa nhưng chỉ có doanh nghiệp có giấy phép phân phối rượu mới được làm thủ tục nhập khẩu.

+ Trường hợp tiêu hủy hàng hóa thì gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp, nhất là trong giai đoạn khó khăn này.

Tính đến tháng 6 năm 2021, tổng số tờ khai tạm nhập cửa hàng miễn thuế quá hạn là 3.183 tờ khai và trị giá hàng hóa gửi kho miễn thuế quá thời hạn lưu giữ là 54.602.024 USD. Trong đó, trị giá tồn kho các mặt hàng cụ thể như: Rượu: 7.671.634 USD; Thuốc lá, xì gà: 9.291.655 USD; Mỹ phẩm: 20.004.103 USD; Sản phẩm thời trang: 8.863.395 USD; Hàng hóa khác: 8.771.237 USD.

- Về thời hạn lưu giữ đối với hàng hóa nhập khẩu gửi kho ngoại quan: khoản 10 Điều 4 Luật Hải quan quy định "kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hoá đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hoá từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam". Đồng thời, khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan quy định: "Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý do chính đáng thì được Cục trưởng Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng".

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 một khối lượng lớn hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu sang nước thứ ba không thể xuất khẩu được, tồn đọng tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc hoặc đang lưu giữ trong kho ngoại quan để chờ tìm đối tác xuất khẩu hoặc chờ thời điểm phù hợp để xuất khẩu theo yêu cầu của đối tác.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Nhiều mặt hàng gửi tại kho ngoại quan không được nhập vào nội địa như: rượu, bia, thuốc lá, hàng hóa thuộc danh mục kiểm dịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống... và số liệu thống kê trị giá hàng hóa gửi kho ngoại quan quá thời hạn lưu giữ tính đến tháng 6/2021: 439.931.267,54 USD với số lượng: 2.894 tấn và 1.336.193 kiện/chai/cái. Tổng số tờ khai quá hạn: 2.804 tờ khai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan thì hàng hóa gửi kho ngoại quan khi hết thời hạn lưu giữ tại Việt Nam, chủ sở hữu hàng phải thực hiện một trong những hoạt động: (i) xuất khẩu hoặc tái xuất ra nước ngoài; (ii) nhập khẩu vào nội địa); (iii) thực hiện tiêu hủy với hàng hóa.

Trường hợp nhập vào nội địa phải chịu chính sách thuế và chính sách mặt hàng như với hàng nhập khẩu, ngoài ra đối với một số mặt hàng gửi kho ngoại quan không được đưa vào nội địa (rượu, thuốc lá).

Trường hợp thực hiện tiêu hủy, đối với hàng hóa được bảo quản trong tình trạng tiêu chuẩn, nguyên vẹn, bình thường sẽ gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Ngoài dịch bệnh COVID-19, trong tương lai có thể xảy ra dịch bệnh khác có tác động, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, do đó, để bảo đảm tính bao quát, việc sửa đổi quy định của Luật Hải quan nhằm cho phép hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế, hàng hóa gửi kho ngoại quan tiếp tục lưu giữ tại Việt Nam trong trường hợp xảy ra dịch bệnh là cần thiết nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

c) Yêu cầu của thực tiễn nhằm khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, người tiêu dùng sử dụng xe ô tô thân thiện với môi trường

Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đang là vấn đề toàn cầu. Chất lượng môi trường không khí nói chung và tại các đô thị lớn nói riêng chịu ảnh hưởng xấu do phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, giao thông vận tải... Trong đó, khí thải từ các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng phát thải gây ô nhiễm môi trường không khí đô thị. Bên cạnh đó, việc gia tăng nhanh chóng số lượng xe ô tô sử dụng nhiên liệu gốc hóa thạch trong những năm gần đây là tác nhân lớn gây ra ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh (thường được ghi nhận có nhiều ngày trong năm ô nhiễm ở mức báo động và nằm trong danh sách các thành phố ô nhiễm không khí).

Phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch (xăng, dầu) ở Việt Nam ngày càng gia tăng nhanh, thể hiện qua số liệu về tổng số xe ô tô chạy xăng, dầu bán

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

ra tại thị trường Việt Nam các năm gần đây: năm 2017 là 303.000 chiếc, đến năm 2020 tăng lên là 416.000 chiếc[21]. Trong khi đó ở Việt Nam hiện nay, nhìn chung, các dòng xe ô tô điện chưa phổ biến, trong nước chưa có sản xuất xe ô tô điện và mới bắt đầu có nhập khẩu xe ô tô điện trong vài năm gần đây. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam, tính đến hết năm 2020, số lượng xe ô tô điện chạy pin bán ra trên thị trường khoảng trên 130 chiếc. Như vậy, Việt Nam có thể hứa hẹn là một thị trường tiềm năng cho ngành công nghiệp xe ô tô điện chạy pin nếu có chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp và có doanh nghiệp đầu tư bài bản, đồng bộ.

Để góp phần bảo vệ môi trường và đón đầu xu thế chung của ngành công nghiệp ô tô, nhiều ý kiến cho rằng, thời điểm hiện nay đối với ngành ô tô điện chạy pin thì xuất phát điểm giữa Việt Nam và các quốc gia ASEAN là gần như tương tự nhau. Vì vậy, cơ hội thu hút các dự án đầu tư sản xuất, lắp ráp ô tô điện chạy pin của Việt Nam là rất tiềm năng nếu có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ. Nếu chính sách ban hành chậm một vài năm, các nước ASEAN khác đã hoàn thiện khung chính sách và hình thành chuỗi cung ứng vững chắc thì sẽ không có cơ hội cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện chạy pin sử dụng trong nước và xuất khẩu.

Theo kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đã và đang có xu hướng hạn chế/loại bỏ dần các phương tiện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch, đồng thời khuyến khích các phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, đặc biệt là xe ô tô điện chạy pin. Có quốc gia không thu hoặc miễn thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đối với xe ô tô điện chạy pin: Hàn Quốc, Trung Quốc, Indonesia. Một số quốc gia áp dụng thuế suất thuế TTĐB thấp đối với xe ô tô điện chạy pin như Malaysia (áp dụng một mức thuế suất 10%); Thái Lan (từ 5% - 12,5% tùy mức độ phát thải CO2); Lào (10%); Singapore (20%); Nhật Bản (áp dụng các chính sách thuế ưu đãi với xe điện và xe có lượng phát thải thấp); Mỹ (một số bang áp dụng chính sách ưu đãi như miễn/giảm thuế TTĐB, khấu trừ thuế, hoàn tiền, giảm phí đăng ký, phí đỗ xe, hỗ trợ việc lắp đặt các trạm sạc điện...) nhằm khuyến khích việc mua và sử dụng xe điện. Ngoài chính sách ưu đãi thuế, các nước còn có chính sách trợ cấp trực tiếp của Chính phủ khi tiêu dùng xe điện, ví dụ như miễn phí/giá sử dụng đường cao tốc, chính sách tín dụng xanh, trợ cấp ngân sách nhà nước của Chính phủ hoặc các ưu đãi khi xây dựng các trạm sạc điện.

Để hạn chế tác động xấu đến môi trường do xe chạy xăng, dầu gây ra, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính và tận dụng thời cơ cung ứng xe ô tô điện chạy pin đáp ứng nhu cầu của thị trường Việt Nam cũng như khu vực và quốc tế, thì việc sửa đổi Luật thuế tiêu thụ đặc biệt về thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin là cần thiết.

---

[21] Nguồn số liệu: Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Yêu cầu của thực tiễn về tháo gỡ khó khăn trong công tác thi hành án dân sự trong trường hợp người phải thi hành án có tài sản ở nhiều nơi

Luật Thi hành án dân sự được ban hành năm 2008, đã tạo hành lang pháp lý cho hoạt động thi hành án dân sự, đưa kết quả thi hành án dân sự đạt và vượt chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, so với yêu cầu, kết quả thi hành án dân sự vẫn còn hạn chế, trong đó tỷ lệ tiền, tài sản thu được trên tổng số có điều kiện thi hành vẫn còn thấp[22], nhất là ở việc thu hồi tài sản tham nhũng, bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và các khoản thu cho tổ chức tín dụng. Theo thống kê, hai nhóm việc này chỉ chiếm khoảng 4 - 5% lượng việc, nhưng chiếm trên 85% lượng tiền phải thi hành. Kết quả thi hành án của hai nhóm vụ việc này còn thấp (dưới 30% số có điều kiện).

Tình trạng trên xuất phát từ đặc thù của các vụ việc về thi hành án liên quan đến thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và vụ việc thi hành án về tín dụng ngân hàng đó là các nghĩa vụ thường gắn với việc phải xử lý rất nhiều tài sản (có vụ việc bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa hàng trăm tài sản để bảo đảm thi hành án; tài sản phải xử lý thi hành án nằm ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau trên địa bàn cả nước; nguồn gốc liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng phức tạp, thậm chí có tranh chấp với người thứ ba...); số lượng tài sản kê biên, phong tỏa, bảo đảm thi hành án chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với nghĩa vụ mà người phải thi hành án phải thực hiện. Thực tế hiện nay cho thấy, cơ quan thi hành án dân sự không được quyền xử lý đồng thời tài sản đã được tuyên trong bản án, quyết định (kể cả thu hồi tiền, tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế) và cũng không thể ủy thác cho cơ quan thi hành án nơi có tài sản xử lý mà phải thực hiện theo thứ tự (phải xử lý xong tài sản tạm giữ, thu giữ, tài sản kê biên tại địa bàn có liên quan đến khoản ủy thác rồi mới được ủy thác đến nơi có tài sản xử lý tiếp). Hệ quả, gây ách tắc, kéo dài quá trình tổ chức thi hành án, chậm thu hồi tiền, tài sản (nhất là khoản thu rất lớn cho ngân sách nhà nước, tổ chức tín dụng); quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án không được bảo đảm kịp thời; giảm giá trị tài sản; nhiều trường hợp mất mát, hư hỏng; đương sự tẩu tán tài sản; tốn kém thời gian; phát sinh chi phí tổ chức thi hành án, phát sinh thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án mà người phải thi hành án sẽ phải chịu, chưa kể làm tăng thủ tục, chậm cải cách hành chính trong thi hành án dân sự.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do khoản 1 Điều 57 Luật Thi hành án dân sự hiện nay mới chỉ có quy định cơ chế ủy thác thi hành án (ủy thác toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ thi hành án) mà chưa có cơ chế ủy thác xử lý tài sản để xử lý đồng thời tại các địa phương khác nhau. Theo quy định trên, để thực hiện việc ủy thác thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự bắt buộc

---

[22] Chỉ đạt từ 33 - 43% trên tổng số có điều kiện thi hành.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

phải xử lý xong tài sản tạm giữ, thu giữ, tài sản kê biên tại địa bàn có liên quan đến khoản ủy thác rồi mới thực hiện việc ủy thác đến cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản tại địa phương khác tiếp tục tổ chức thi hành. Quy định này dẫn đến thời gian tổ chức một việc thi hành kéo dài (thời gian xử lý một tài sản bằng tổng thời gian xử lý tài sản ở tất cả các địa phương). Trong khi đó, nếu xử lý tài sản ở các nơi cùng thời điểm có thể rút ngắn thời gian, giảm chi phí tổ chức thi hành án xuống mức tối thiểu[23]. Do vậy, cần bổ sung cơ chế để các cơ quan thi hành án dân sự có thể xử lý đồng thời tài sản ở các địa phương khác nhau (ủy thác xử lý tài sản). Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng sửa phạm vi hẹp trực tiếp các điều khoản quy định về xử lý tài sản thi hành án để tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn, cụ thể là Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Luật Thi hành án dân sự là cần thiết, phù hợp với yêu cầu tại Chỉ thị số 04-CT ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế [24] và tình hình thực tiễn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hải quan, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự là cần thiết, nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng và khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Chính phủ kính đề nghị Quốc hội cho phép áp dụng hình thức một luật sửa đổi, bổ sung nhiều luật và quy trình, thủ tục rút gọn để xây dựng, ban hành dự án Luật nhằm kịp thời xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh liên quan đến việc thực hiện mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa thúc đẩy sản xuất, kinh doanh thông qua việc tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thi hành án đối với trường hợp người phải thi hành án có tài sản ở nhiều nơi, góp phần thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Việc xây dựng, ban hành Luật này nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh phòng chống, dịch bệnh COVID-19;

---

[23] Nếu như trong một vụ việc có 05 tài sản ở 05 địa phương khác nhau; thời gian thông thường để xử lý xong 01 tài sản là khoảng 180 ngày và theo quy định tại Điều 57 Luật Thi hành án dân sự thì sẽ phải xử lý lần lượt các tài sản mà không được xử lý đồng thời để rút ngắn thời gian thi hành án.

[24] Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng xác định.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục trong đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đáp ứng các yêu cầu bảo vệ mục tiêu trọng yếu quốc gia về an ninh mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường phân quyền cho các địa phương trong hoạt động đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và thực hiện cam kết của Việt Nam đối với các mục tiêu phát triển bền vững, Chiến lược Tăng trưởng Xanh thời kỳ mới (2021-2030), ứng phó với biến đổi khí hậu; thu hút nghiên cứu phát triển các ý tưởng công nghệ theo chuẩn mực quốc tế tại trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ an ninh mạng, bảo vệ các mục tiêu trọng yếu quốc gia về an ninh mạng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng.

- Tháo gỡ một số khó khăn trong: (i) Triển khai lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; (ii) Hoạt động quản trị doanh nghiệp, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; (iii) Quá trình tổ chức thi hành án đối với trường hợp người phải thi hành án có tài sản ở nhiều nơi, góp phần tăng tỷ lệ thi hành án về tiền, tạo điều kiện rút ngắn thời gian, giảm bớt các chi phí và xử lý có hiệu quả tài sản thi hành án. Đồng thời, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn tín dụng từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19.

- Khuyến khích thu hút vốn, thực hiện tốt chính sách xã hội hóa đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia; khuyến khích đầu tư sản xuất và sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng dự án Luật

a) Việc xây dựng dự án Luật này nhằm luật hóa những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, có sự đồng thuận cao; rà soát, xác định nội dung, phạm vi vấn đề sửa đổi, bổ sung để khắc phục những khó khăn, vướng mắc thực sự cần tháo gỡ.

b) Thực hiện sửa đổi, bổ sung một số quy định tương đối độc lập (về nguyên tắc, khi sửa đổi, bổ sung thì không đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan khác) nên bảo đảm được tính hệ thống, thống nhất của hệ thống pháp luật; phân cấp, phân quyền nhiều hơn cho các bộ, địa phương gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát khi thực hiện. Theo đó:

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định đang thực sự gây khó khăn, vướng mắc cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội.

- Những quy định cần sửa đổi, bổ sung phải được xác định rõ ràng về nội dung, phương án sửa đổi, bổ sung và đánh giá tác động cụ thể.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ[25], Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, lập đề nghị và soạn thảo dự án Luật.

2. Trong quá trình lập đề nghị xây dựng dự án Luật, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương chuẩn bị hồ sơ; tổ chức các cuộc họp và gửi hồ sơ lấy ý kiến của 03 bộ (Tài chính, Nội vụ, Ngoại giao) và một số cơ quan khác có liên quan (Ban Nội chính Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an,...); tổ chức 03 cuộc họp của Hội đồng tư vấn thẩm định đối với đề nghị xây dựng dự án Luật. Thường trực Chính phủ đã họp 02 cuộc, Chính phủ đã họp 02 lần để cho ý kiến và đã thông qua đề nghị xây dựng dự án Luật tại Phiên họp chuyên đề tháng 8/2021.

3. Trên cơ sở đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua, ngày 19/8/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1331/QĐ-BTP về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật[26]; Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã họp để cho ý kiến về dự án Luật. Bộ Tư pháp đã tổ chức các cuộc họp, có các công văn gửi các bộ, cơ quan liên quan để chuẩn bị nội dung, cho ý kiến về dự án Luật[27]. Ngày 16/8/2021, Bộ Tư pháp tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định để thẩm định dự án Luật.

4. Ngày 30/8/2021, Thường trực Chính phủ họp cho ý kiến về dự án Luật. Tại Phiên họp thường kỳ tháng 8 (ngày 06/9/2021) và Phiên họp thường kỳ tháng 9 (ngày 02/10/2021), Chính phủ đã xem xét, thông qua dự án Luật để trình Quốc hội.

5. Sau Phiên họp Chính phủ, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ và các bộ,

---

[25] Thông báo số 140/TB-VPCP ngày 01/6/2021 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện nhiệm vụ, những vấn đề cần quan tâm giải quyết; Công điện số 1079/CĐ-TTg ngày 14/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

[26] Ban soạn thảo do Bộ trưởng Bộ Tư pháp là Trưởng Ban soạn thảo, thành viên gồm Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương và lãnh đạo một số bộ, cơ quan liên quan.

[27] Công văn số 2827/BTP-VĐCXDPL ngày 19/8/2021 gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài chính đề nghị chuẩn bị nội dung dự thảo Luật và dự thảo Tờ trình gửi Bộ Tư pháp tổng hợp; Công văn số 2902/BTP-VĐCXDPL ngày 24/8/2021 gửi hồ sơ lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ; đồng thời, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài chính chuẩn bị nội dung về rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung dự thảo Luật, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

cơ quan liên quan hoàn chỉnh hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, ủy quyền Bộ trưởng Bộ Tư pháp thay mặt Chính phủ, ký trình Quốc hội dự án Luật.

IV. PHẠM VI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi, bố cục của dự án Luật

a) Về phạm vi

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo nêu tại Mục II.2 Tờ trình, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật và cụ thể hóa 10 chính sách trong đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tờ trình số 302/TTr-CP ngày 24/8/2021), đồng thời sửa đổi, bổ sung thêm 03 nội dung sau đây của Luật Đầu tư:

- Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 31 để phân quyền thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 75 Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở) về hình thức sử dụng đất để đầu tư xây dựng dự án nhà ở thương mại.

- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng vào Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, 03 nội dung đề xuất mới này đã được đánh giá tác động, cũng như đánh giá về những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành (xin gửi hồ sơ kèm theo).

b) Về bố cục

Dự thảo Luật gồm 12 điều, gồm: 10 điều sửa đổi, bổ sung một số quy định của 10 luật hiện hành, 01 điều quy định về điều khoản chuyển tiếp và 01 điều quy định về hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự án Luật

a) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công

Với mục tiêu tăng cường phân quyền, bảo đảm thực chất, hiệu quả, tránh lãng phí thời gian, nguồn lực, tinh giản quy trình, thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Điều 1 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 03 Điều của Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, c và d khoản 4 Điều 17, bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 17 và sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 25 Luật Đầu tư công theo nguyên tắc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

phủ cho người đứng đầu cơ quan chủ quản đối với các dự án đầu tư nhóm B và nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức mình quản lý.

- Để đảm bảo các dự án đầu tư nhóm B và C được thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn khi phân quyền quyết định chủ trương đầu tư, khoản 6 Điều 1 dự thảo Luật bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư công quy định Thủ tướng Chính phủ thông báo dự kiến bổ sung kế hoạch trung hạn vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước, vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) trong phạm vi tổng số kế hoạch vốn trung hạn được Quốc hội quyết định cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để làm căn cứ thực hiện thủ tục thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Với mục tiêu tiếp tục phân quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án PPP sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân, tăng cường vai trò và trách nhiệm của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư như sau:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công sử dụng vốn ngân sách trung ương do Bộ, cơ quan trung ương quản lý hoặc sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Phân quyền quyết định chủ trương đầu tư cho Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B và C theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

c) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư

Với mục tiêu ưu đãi đầu tư cho khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và các doanh nghiệp hoạt động tại các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị cho các địa phương, Điều 3 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, cụ thể như sau:

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 15 để bổ sung "doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo hoạt động tại các trung tâm đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp sinh thái hoạt động tại khu công nghiệp sinh thái" là đối tượng được ưu đãi đầu

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

tư. Việc bổ sung này là cần thiết, tạo cơ sở để đề xuất cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, tiền thuê đất...

- Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 31 và điểm b khoản 1 Điều 32 để thực hiện phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị; theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị trong các trường hợp: dự án đầu tư có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt.

- Sửa đổi điểm g khoản 1 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 32 để phân quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhân là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt. Đồng thời, bổ sung điểm g vào khoản 3 Điều 33 quy định về nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm "Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa (đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi khu vực bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 và điểm b khoản 1 Điều 32 Luật này)".

Theo quy định này, việc thực hiện các dự án đầu xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt sẽ phải tuân thủ các yêu cầu, điều kiện và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Quy định này sẽ đảm bảo các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) có ý kiến đối với dự án ngay từ khâu chấp thuận chủ trương đầu tư nên sẽ khắc phục tình trạng hiện nay là các dự án đã triển khai mới xin ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, tăng cường giám sát, kiểm tra khi phân cấp.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 75 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23) theo hướng quy định hình thức sử dụng đất để đầu tư xây dựng dự án nhà ở thương mại là nhà đầu tư có quyền sử dụng đất ở hợp pháp hoặc các loại đất khác phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

quy định của pháp luật về đất đai; thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng vào số thứ tự 132a vào sau số thứ tự 132 Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (trừ kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự).

d) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu

Nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, thúc đẩy giải ngân, đưa dự án hoàn thành đúng thời hạn, đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp trong các dự án ODA, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Điều 4 dự thảo Luật bổ sung khoản 4 vào Điều 34 Luật Đấu thầu để quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn đối với các hoạt động mua sắm trước khi ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của Chính phủ.

đ) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực

Để thể chế hoá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa và nhằm thu hút, xã hội hóa đầu tư lưới điện truyền tải đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Điều 5 dự thảo Luật bổ sung khoản 19 vào Điều 3 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực, cụ thể như sau:

- Bổ sung khoản 19 vào Điều 3 để quy định giải thích thuật ngữ "hoạt động truyền tải điện" là hoạt động của đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành lưới điện truyền tải.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 để quy định thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động truyền tải điện phục vụ đấu nối nguồn điện; Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải có ý nghĩa quan trọng về an ninh, an toàn hệ thống điện, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

e) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

* Để tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản trị doanh nghiệp, tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 6 dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung Điều 60, 148 và 158 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Sửa đổi điểm e khoản 2 Điều 60 theo hướng bỏ yêu cầu phải có chữ ký của người dự họp không đồng ý thông qua biên bản họp trong nội dung biên bản họp.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Sửa đổi quy định tại khoản 3 Điều 60 và khoản 2 Điều 158 như sau:

+ Khoản 3 Điều 60: "Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên của Hội đồng thành viên tham dự họp đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên".

+ Khoản 2 Điều 158: "Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên của Hội đồng quản trị tham dự họp đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực".

- Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 148 theo hướng chỉ tính kết quả bỏ phiếu của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành để thông qua nghị quyết, cụ thể:

+ Nghị quyết về nội dung loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác, tổ chức lại, giải thể công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định (khoản 1 Điều 148).

+ Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định (khoản 2 Điều 148).

* Nhằm giảm bớt chi phí, thời gian cho doanh nghiệp và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp, khoản 3 Điều 6 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 109 của Luật Doanh nghiệp để quy định báo cáo tài chính giữa năm của doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin không bắt buộc kiểm toán.

* Đồng thời, để đảm bảo xác định đúng đối tượng là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh phù hợp với thực tiễn, khoản 6 Điều 6 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 217 như sau: "Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước và

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

công ty trách nhiệm hữu hạn do doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ".

g) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Với mục tiêu hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn trong giai đoạn dịch bệnh, Điều 7 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 20 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng mở rộng đối tượng hỗ trợ của Quỹ là toàn bộ doanh nghiệp nhỏ và vừa và ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

h) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng của dịch bệnh, Điều 8 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 61 như sau:

- Bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 47 Luật Hải quan quy định: Trường hợp xảy ra dịch bệnh theo công bố của cơ quan, người có thẩm quyền, hàng hóa đã hết thời hạn lưu giữ, kể cả thời gian đã gia hạn được tiếp tục lưu giữ đến ngày cơ quan, người có thẩm quyền công bố hết dịch và được Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế gia hạn một lần không quá 12 tháng kể từ thời điểm công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt khác phát sinh giao Chính phủ quy định.

- Bổ sung vào khoản 1 Điều 61 Luật Hải quan quy định: Trường hợp xảy ra dịch bệnh theo công bố của cơ quan, người có thẩm quyền, hàng hóa đã hết thời hạn lưu giữ, kể cả thời gian đã gia hạn được tiếp tục lưu giữ đến ngày cơ quan, người có thẩm quyền công bố hết dịch và được Cục trưởng Cục Hải quan quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng kể từ thời điểm công bố hết dịch. Khi xuất khẩu chỉ được xuất qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính. Trường hợp đặc biệt khác phát sinh giao Chính phủ quy định.

i) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt

Với mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất, kịp thời nắm bắt cơ hội để phát triển xe ô tô điện chạy pin, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ khí thải phương tiện giao thông, giảm phát thải khí nhà kính (thực hiện cam kết của Liên hợp quốc về bảo vệ môi trường), định hướng sản xuất và tiêu dùng theo hướng phát triển công nghiệp sạch, bảo vệ môi trường, Điều 9 dự thảo Luật bổ sung điểm i khoản 4 Mục I Điều 7 về Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt theo hướng giảm từ 5% đến 12% thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt so với mức hiện hành trong 05 năm đầu, kể từ khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có hiệu lực thi hành; kể từ năm thứ 6 trở đi, điều chỉnh tăng mức thuế suất đối với xe ô tô điện chạy pin (áp dụng cả đối với xe nhập khẩu và xe sản xuất, lắp ráp trong nước).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

l) Sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự

Điều 10 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 55, 56 và 57 Luật Thi hành án dân sự theo hướng: làm rõ hơn trường hợp "ủy thác thi hành án từng phần" (điểm b khoản 1 Điều 55) trên cơ sở Luật hóa các nội dung trước đây giao Chính phủ quy định chi tiết; đồng thời bổ sung cơ chế ủy thác xử lý tài sản (khoản 2 Điều 55, khoản 2 Điều 57).

Đối với cơ chế ủy thác xử lý tài sản, dự thảo Luật quy định rõ căn cứ ủy thác xử lý tài sản, cụ thể: Trường hợp bản án, quyết định tuyên kê biên, phong tỏa hoặc tuyên xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án mà tài sản ở nhiều địa phương khác nhau thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản trên địa bàn, đồng thời có thể ủy thác xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự nơi có tài sản. Việc giới hạn ủy thác xử lý tài sản trong những trường hợp này nhằm xác định rõ phạm vi (tránh trùng lắp với ủy thác thi hành án), nhưng vẫn giải quyết được vướng mắc như đã phân tích tại phần 2.4 mục I. Từ đó, đối tượng chủ yếu tập trung vào những việc thi hành án liên quan đến án kinh tế, tham nhũng và các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng[28].

Cùng với việc quy định rõ căn cứ, dự thảo Luật cũng quy định cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện ủy thác xử lý tài sản như: thực hiện việc ủy thác và nhận ủy thác xử lý tài sản; hồ sơ ủy thác; căn cứ để cơ quan nhận ủy thác áp dụng các trình tự, thủ tục xử lý tài sản; việc chuyển số tiền thi hành án thu được cho cơ quan nơi ủy thác thực hiện việc thanh toán tiền cho những người được thi hành án; quy định trách nhiệm của cơ quan nơi ủy thác và cơ quan nhận ủy thác; việc dừng xử lý tài sản trong trường hợp đã thu được số tiền đủ để thi hành án và các chi phí liên quan…

Với việc sửa đổi nêu trên sẽ khắc phục được tình trạng không phải tất cả các trường hợp đều phải ủy thác thi hành án và nếu không ủy thác thi hành án thì vụ việc bị ách tắc, làm trì hoãn, chậm trễ thi hành án. Ngoài ra với cơ chế mới còn giúp cho việc kiểm soát tốt hơn về quá trình thi hành án đối với từng đối tượng, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chịu trách nhiệm chính về tổ chức thi hành án đối với vụ việc; rút ngắn thời gian và xử lý có hiệu quả tài sản thi hành án; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án và cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, góp phần thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

m) Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

---

[28] Phần lớn khi giải quyết những vụ việc này, Tòa án thường/phải tuyên kê biên, phong tỏa hoặc tuyên xử lý tài sản để đảm bảo thi hành án.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Để xử lý các quan hệ pháp luật phát sinh trước thời điểm Luật này có hiệu lực, Điều 11 dự thảo Luật quy định chuyển tiếp đối với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Hải quan và Luật Thi hành án dân sự.

- Điều 12 dự thảo Luật quy định về hiệu lực thi hành của Luật.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Hải quan, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN; Các Vụ: TH, QHĐP, TKBT;
- Lưu: VT, PL(2). 40

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Lê Thành Long

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật